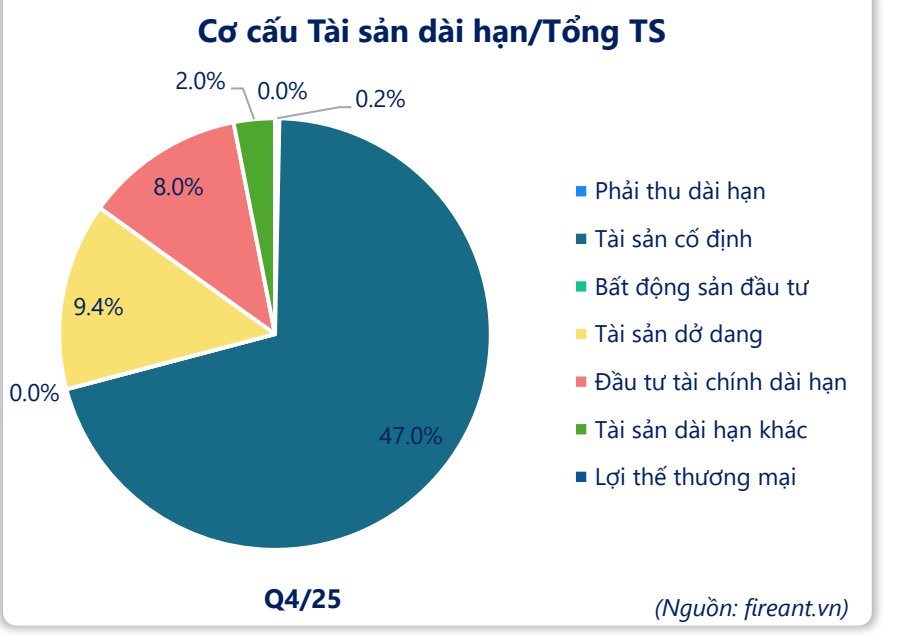
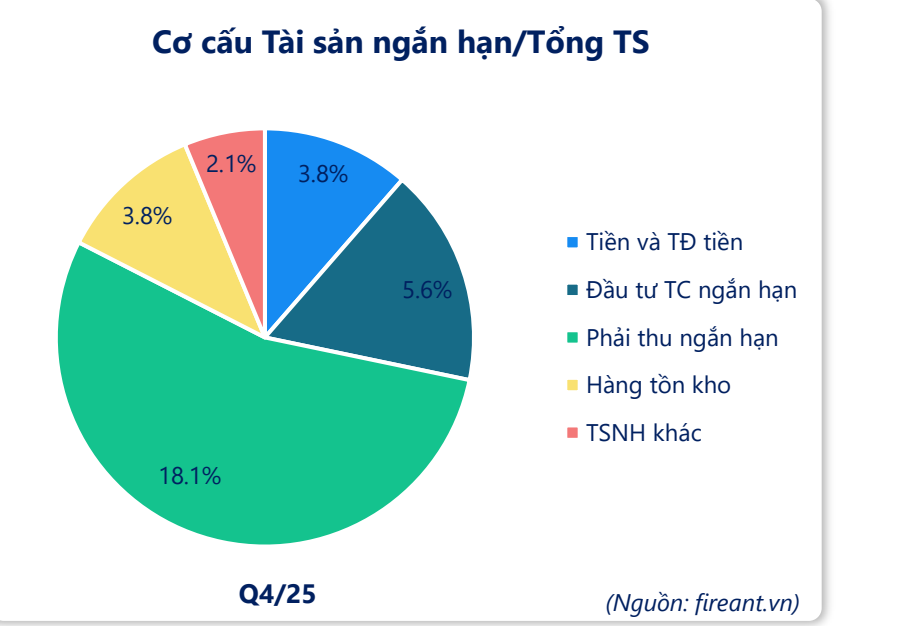
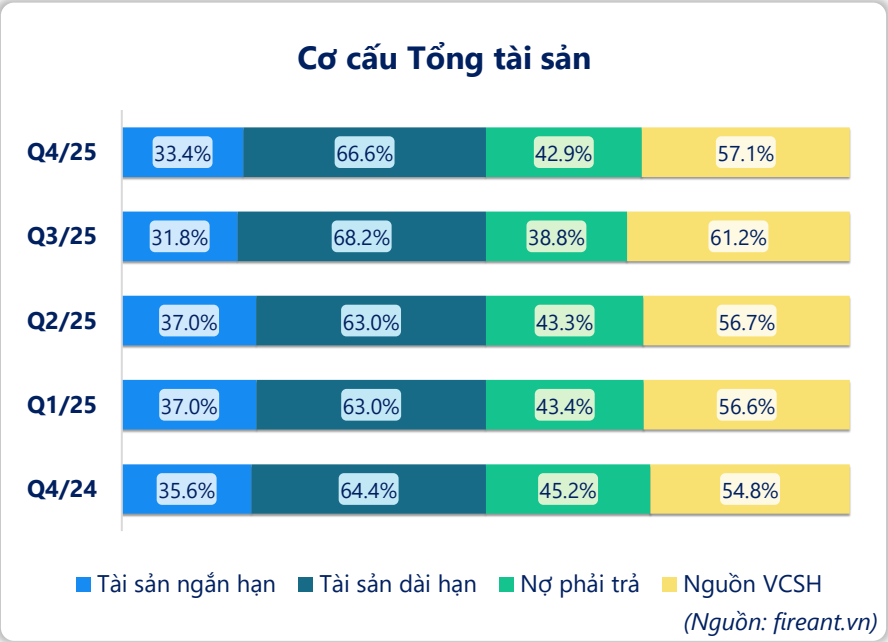
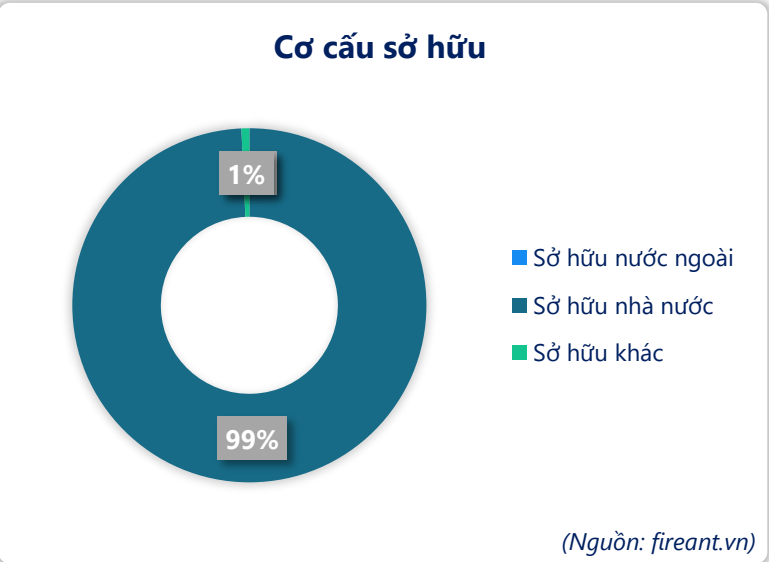
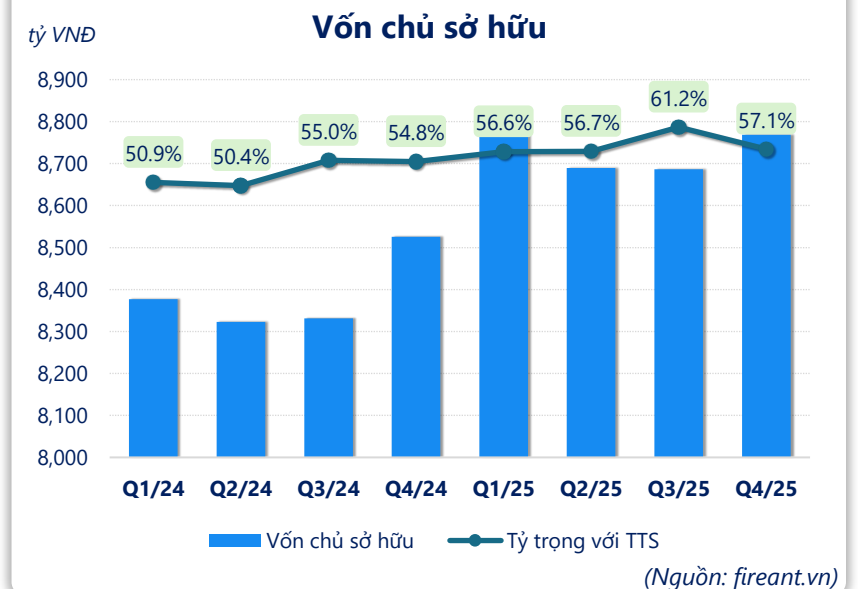
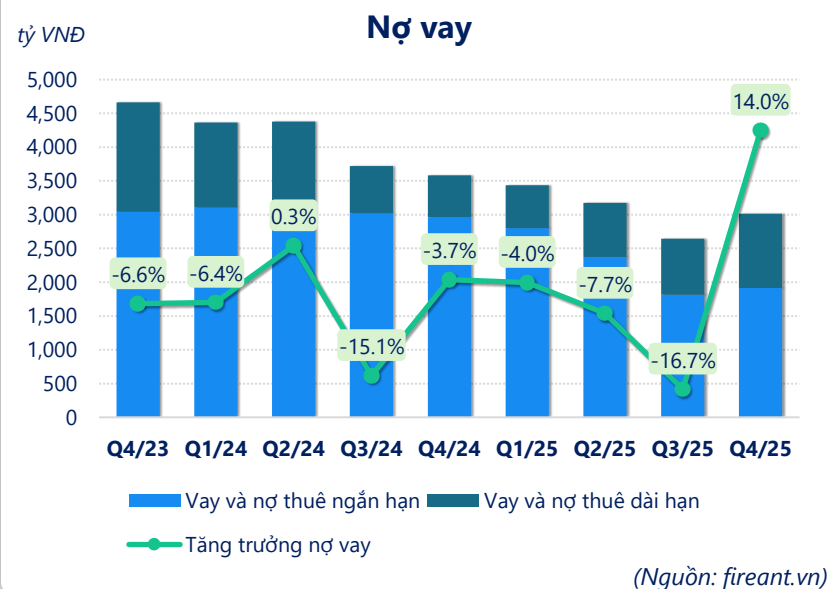
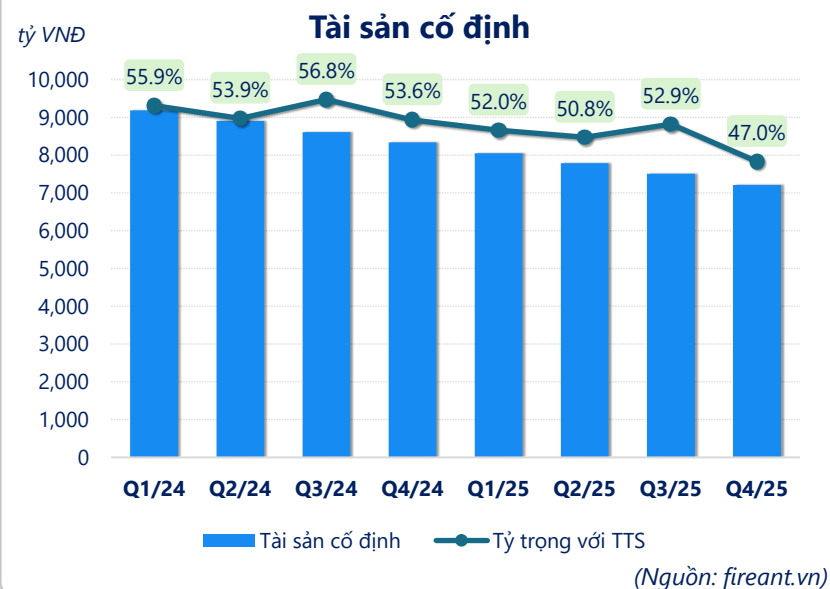
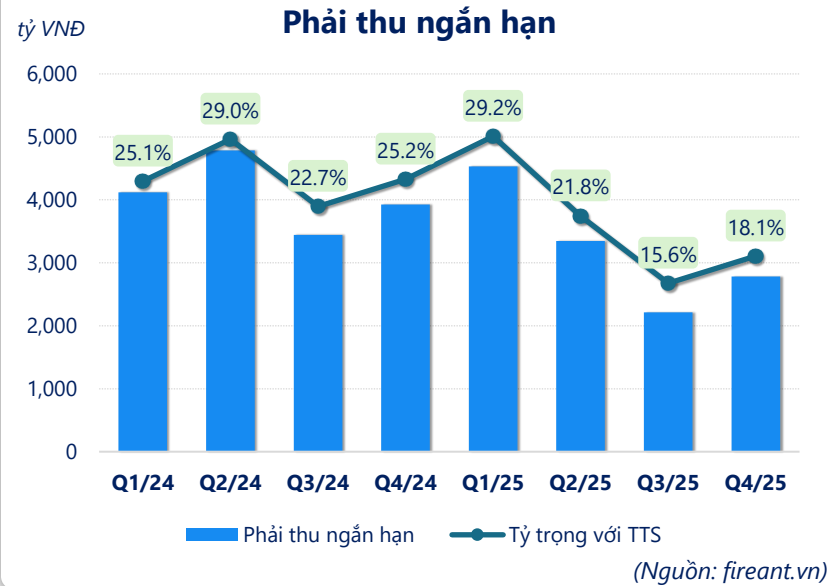
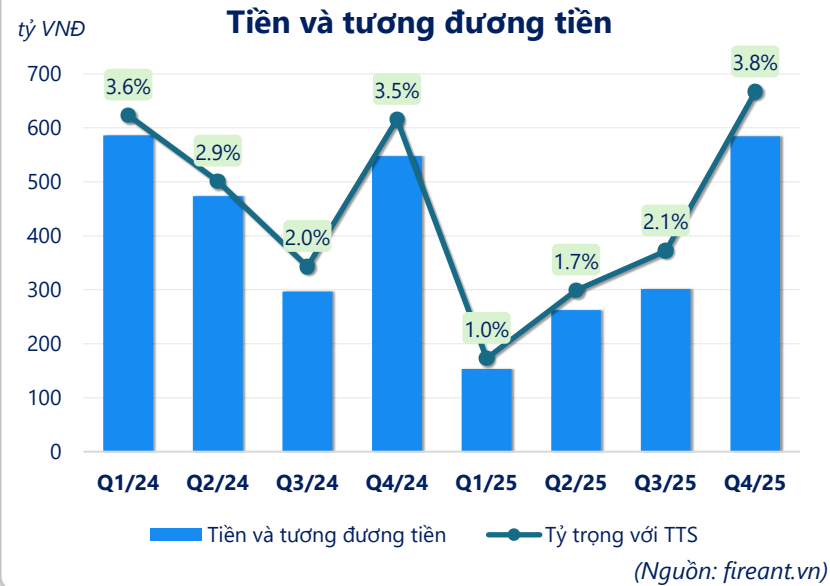
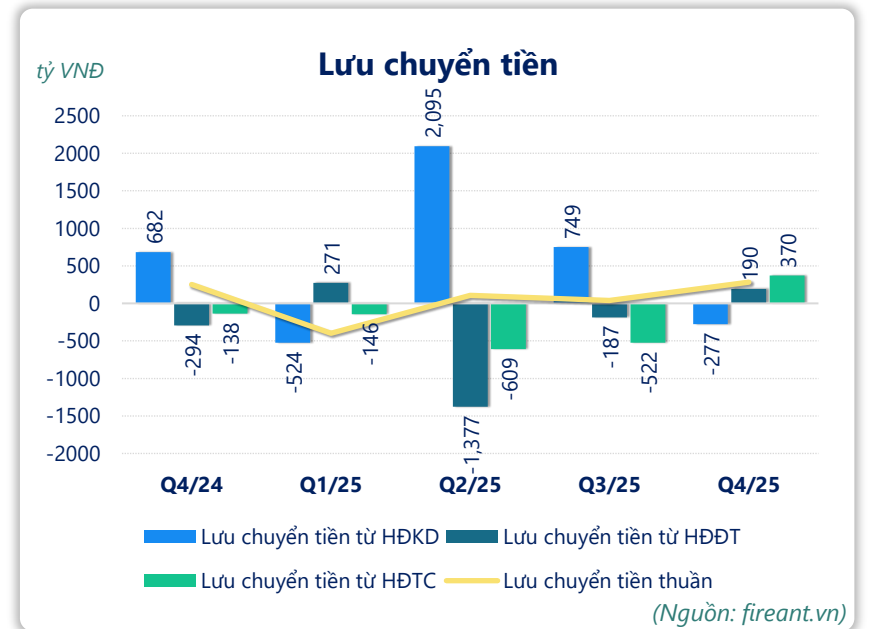
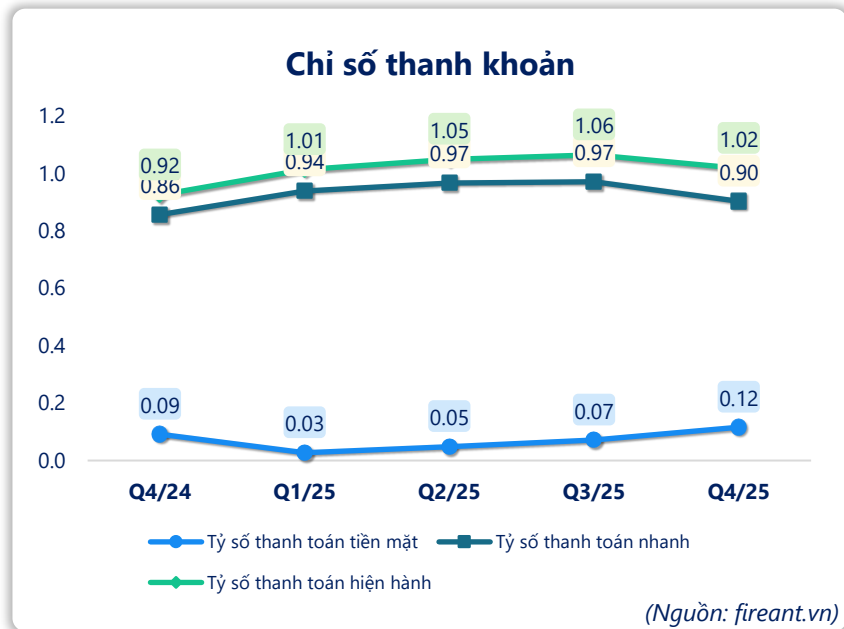
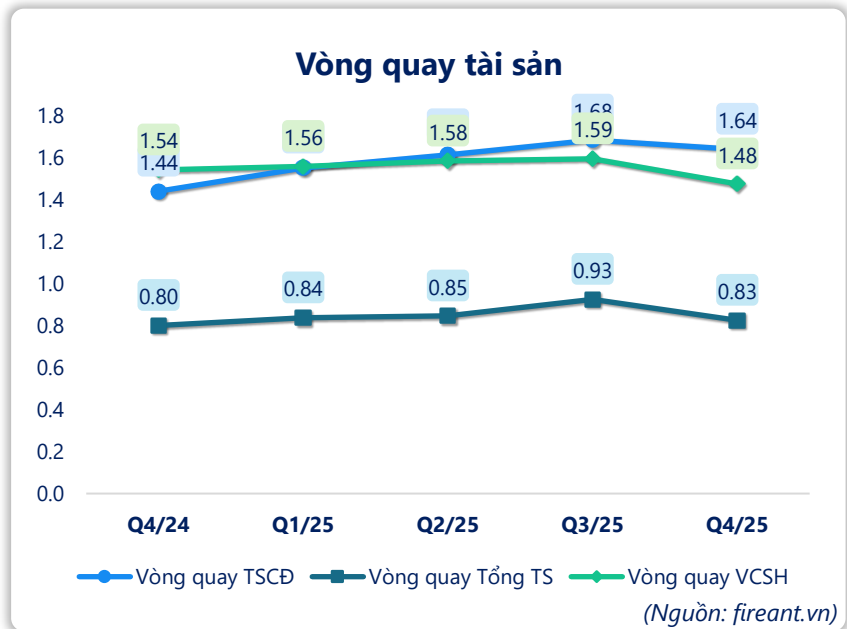
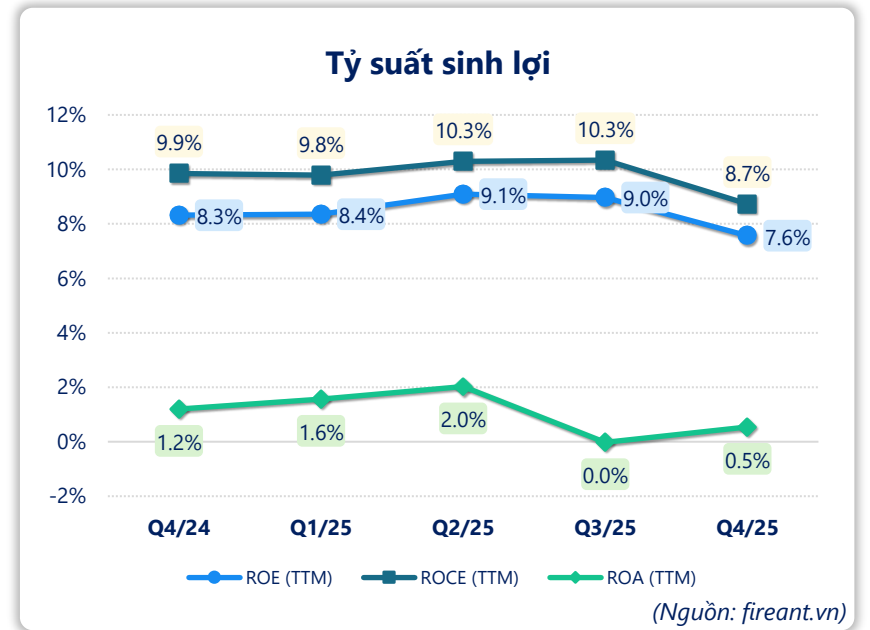
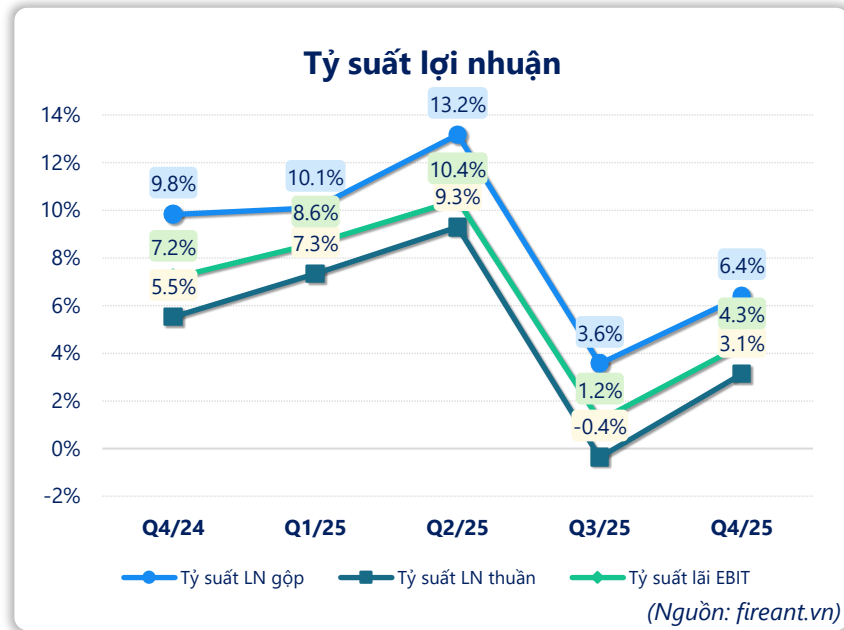
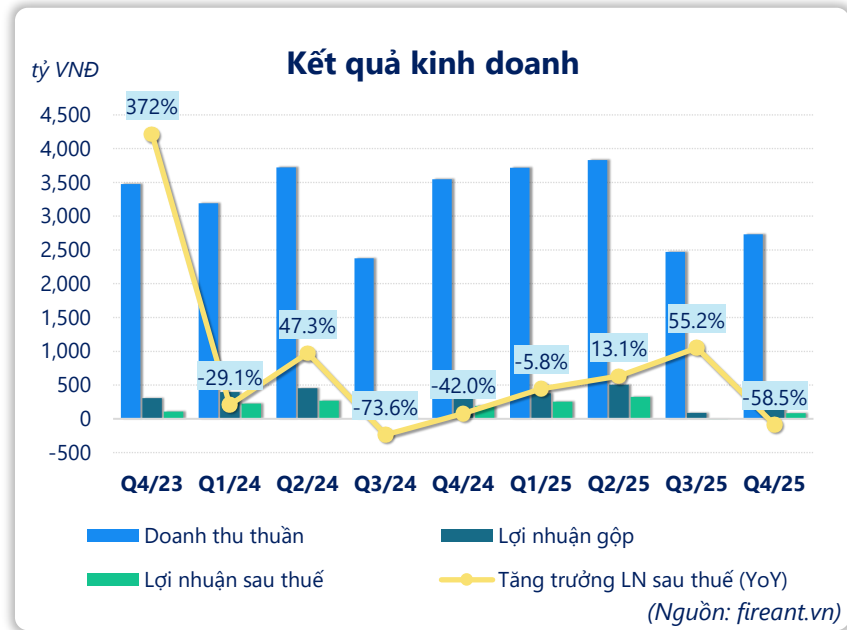


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,746
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
SL cổ phiếu LH		682,767,475
KLGD BQ 20 phiên (CP)		660
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		8,193
P/E		12.5
EPS		958

	YTD	1T	3T	6T
DTK	-4.0%	-4.0%	-3.2%	-6.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	15,347	15,531	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	5,127	5,527	-7.2%
Tiền và tương đương tiền	584	552	6.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	865	400	116%
Phải thu ngắn hạn	2,781	3,910	-28.9%
Hàng tồn kho	576	410	40.5%
Tài sản ngắn hạn khác	321	256	25.4%
Tài sản dài hạn	10,220	10,004	2.2%
Phải thu dài hạn	33.4	32.1	4.1%
Tài sản cố định	7,211	8,327	-13.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,436	172	736%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,225	1,225	0.0%
Tài sản dài hạn khác	315	248	26.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,579	7,007	-6.1%
Nợ ngắn hạn	5,043	5,973	-15.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,914	2,962	-35.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,790	2,716	2.7%
Nợ dài hạn	1,536	1,034	48.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,101	620	77.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	8,768	8,524	2.9%
Vốn chủ sở hữu	8,768	8,524	2.9%
Vốn điều lệ	6,828	6,828	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	3,548	3,719	3,832	2,472	2,732
Giá vốn hàng bán	3,199	3,343	3,327	2,384	2,557
Lợi nhuận gộp	348	376	505	87.9	175
Doanh thu HĐTC	53.2	50.4	55.7	30.9	63.0
Chi phí TC	91.7	54.5	60.5	40.0	28.2
Chi phí lãi vay	46.3	46.0	43.9	36.2	29.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.25	0.04	0.02	0.02	0.01
Chi phí QLDN	114	98.6	144	88.0	124
LN thuần từ HĐKD	196	273	356	-9.13	85.7
Lợi nhuận khác	12.2	1.18	-0.65	2.06	2.95
LN trước thuế	208	274	356	-7.07	88.7
Lợi nhuận sau thuế	191	252	323	-2.93	82.2
LNST của CĐ cty mẹ	193	251	323	-3.20	83.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	682	-524	2,095	749	-277
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-294	271	-1,377	-187	190
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-138	-146	-609	-522	370
Tiền đầu kỳ	297	552	153	262	302
Lưu chuyển tiền thuần	250	-398	109	39.6	283
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	547	153	262	302	584

(Nguồn: fireant.vn)